

Lý luận của trường phái thể chế mới về quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội trong nền kinh tế thị trường



PGS. TS ĐOÀN XUÂN THỦY

Phó Viện trưởng, Viện kinh tế chính trị học,

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

● NGÀY NHẬN BÀI: 20/10/2023 ● NGÀY PHẢN BIỆN: 25/10/2023

● NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 30/11/2023

Tóm tắt: Thuật ngữ “thể chế mới” “hay “thể chế kinh tế mới” (New institutional economics) được Oliver Williamson nêu ra lần đầu vào năm 1975, dần trở thành trường phái phát triển nhanh chóng. Kinh tế học thể chế mới là một trào lưu kinh tế học hiện đại với những đặc điểm phương pháp luận bao gồm: Một là, dựa trên 2 quan điểm nền tảng: các thể chế xã hội có ý nghĩa lớn; có thể phân tích các thể chế xã hội bằng các công cụ của lý thuyết kinh tế. Hai là, sử dụng công cụ phân tích kinh tế để nghiên cứu các hiện tượng ngoài thị trường: vấn đề kỳ thị sắc tộc, giáo dục, y tế, hôn nhân, tội phạm, bầu cử quốc hội, lobby... tức là chuyển sang nghiên cứu các thể chế xã hội khác nhau. Ba là, phê phán Tân cổ điển về quan điểm tuyệt đối hóa chủ thể cá nhân, không coi trọng các chủ thể nhóm, tổ chức, từ đó tập trung nghiên cứu các mối quan hệ bên trong nội bộ từng tổ chức kinh tế. Bài viết khái quát chung về trường phái thể chế mới, xu hướng phát triển và phân tích mối quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội dưới góc nhìn của trường phái thể chế mới.

Từ khóa: *Thể chế, trường phái thể chế, quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội, kinh tế thị trường.*

1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TRƯỜNG PHÁI THỂ CHẾ MỚI

Trường phái thể chế hay kinh tế học thể chế (institutional economics) xuất hiện chủ yếu tại Đức và Mỹ vào cuối thế kỷ XIX và trở nên phổ biến kể từ những năm 20-30 của thế kỷ XX. Đặc điểm của kinh tế học thể chế là tập chủ yếu trung vào giải quyết từng vấn đề riêng biệt, quan trọng và cấp thiết,

không đưa ra phương pháp chung nhất, không xây dựng một trường phái khoa học nhất định, ít sử dụng những công thức hay biểu đồ toán học trong nghiên cứu. Kinh tế học thể chế bao hàm mối quan hệ hai chiều giữa kinh tế học và các thể chế, quan tâm đến ảnh hưởng của các thể chế đối với nền kinh tế cũng như cách thức các thể chế ứng phó với một thế giới năng động và bao gồm

kinh tế học thể chế cũ (Old Institutional Economics) và kinh tế học thể chế mới (New Institutional Economics).

Từ sau Chiến thế giới lần thứ hai, khi lý thuyết của J.M. Keynes nổi lên mạnh mẽ và ngày càng được chú ý quan tâm, kinh tế học thể chế cũ nhanh chóng suy giảm vị thế và uy tín do lộ rõ những bất cập về mặt học thuật. Tuy nhiên, từ cuối thập niên 1960, một số khía cạnh của phương pháp tiếp cận này được quan tâm trở lại và kết hợp với phương pháp tiếp cận chi phí giao dịch của Ronald Coase, Oliver Williamson và Douglass North, trào lưu học thuật mang tên kinh tế học thể chế mới đã ra đời.

Theo các tác giả kinh tế học thể chế mới, Tân cổ điển đã nhận thấy 2 hạn chế về tài nguyên và công nghệ, nhưng đã không coi trọng môi trường thể chế, chi phí giao dịch vì cho rằng mọi tài nguyên đã thuộc sở hữu tư nhân và quyền sở hữu tư nhân đã được xác định rõ, được bảo vệ vững chắc, thông tin hoàn hảo và sự lưu động tuyệt đối của tài nguyên. Từ đó, Kinh tế học thể chế mới đã bổ sung thêm hạn chế mới từ môi trường thể chế: chi phí giao dịch vì cho rằng trong thực tiễn quyền sở hữu chưa được xác định đầy đủ, từ đó đưa ra các khái niệm tính duy lý hạn chế (do hạn chế của nhận thức, thiếu thông tin, chủ thể buộc phải chọn quyết định chưa tối ưu nhưng khả thi) và hành vi cơ hội (do theo đuổi lợi ích cá nhân có thể vi phạm các cam kết). Theo họ, Hầu hết các thể chế như truyền thống, tập quán, quy định pháp luật được sinh ra để giảm thiểu hậu quả xấu của tính duy lý hạn chế và hành vi cơ hội; việc áp dụng phân tích chuẩn tắc phải hướng tới đánh giá thể chế hiện hành trong quan hệ so sánh với thể chế có thể

thực hiện được chứ không phải với các mô hình trừu tượng, từ đó cần đánh giá lại các hình thức truyền thống mà nhà nước dùng để can thiệp vào kinh tế. Từ đó, kinh tế học thể chế mới đã tập trung nghiên cứu những quy ước xã hội, những quy định pháp lý ảnh hưởng đến hành vi của chủ thể kinh tế và có phương pháp nghiên cứu là mô hình hóa các hành vi kinh tế duy lý của chủ thể kinh tế trong môi trường đầy những rủi ro mà hầu như không xác định được.

Kinh tế học thể chế mới có những tác giả tiêu biểu như Coase (Coase, 1937; 1960), Alchian (Alchian, 1961), Buchanan và Tullock (Buchanan, Tullock, 1962), Olson (Olson, 1965), Williamson (Williamson, 1971; 1975), North và Thomas (North, Thomas, 1973)... Theo Oliver Williamson, kinh tế học thể chế mới (NIE) có nội hàm rộng, bao gồm lý thuyết vi mô, lịch sử kinh tế, lý thuyết kinh tế về quyền sở hữu, phân tích so sánh các hệ thống kinh tế, kinh tế học lao động và lý thuyết về tổ chức công nghiệp... , trong đó hướng vào cụ thể hóa những hiện tượng kinh tế vi mô quan trọng so với lý thuyết vi mô của Tân cổ điển, chú trọng nghiên cứu quan hệ giao dịch.

Theo các học giả kinh tế học thể chế mới, thể chế và tổ chức là hai khái niệm khác nhau song có liên quan chặt chẽ với nhau. Họ cho rằng thể chế là cái gì đó đứng ở vị trí cao hơn những thành viên riêng biệt của sự tác động qua lại. Mặc dù vậy vẫn chưa có sự thống nhất về quan niệm thể chế giữa các học giả kinh tế học thể chế mới. Một số tác giả coi thể chế là các quy tắc, còn những học giả khác lại coi thể chế là sự cân bằng.

Quan điểm coi thể chế là các quy tắc có cơ sở từ tư tưởng của Hohfeld W. (1913) và

Commons J. (1968). Nội dung chủ yếu của tư tưởng này là: Phần lớn các thể chế đều tồn tại tách rời bên ngoài các cá nhân cụ thể với tư cách là những quy tắc trò chơi chứ không phải là người chơi. Tư tưởng này sau được Noth D. kế thừa. Theo Noth D., thể chế bao gồm cả những quy tắc chính thức và những chuẩn mực phi chính thức (những chuẩn mực hành vi được thừa nhận rộng rãi, những thỏa thuận đã đạt được, những hạn định bên trong của hoạt động) và cả những cơ chế nhất định của sự bắt buộc thừa hành việc này hay việc khác.

Theo Furubotn E. và Richter R. Thể chế là luật chơi, không bao gồm cầu thủ. Lin và Nugent (1995) cho rằng, thể chế là hệ thống các quy tắc hành xử do con người sáng tạo ra để quản lý và định hình những tương tác giữa con người với nhau, qua đó giúp họ hình thành những kỳ vọng về những điều mà người khác sẽ làm. Theo Sokolof, thể chế là khung khổ chính trị và pháp lý tạo ra những luật lệ và nguyên tắc cơ bản cho hoạt động của các cá nhân và công ty. Một trong những tác giả đã cụ thể hóa thể chế thông qua sự phân loại các quy tắc là Ostrom E.. Theo ông, các quy tắc có vai trò quyết định việc, những hành động hay tình thế nào sẽ là cần thiết, được phép, hay không được phép đối với các thành viên tham gia vào mối quan hệ tương tác. Mục tiêu của quy tắc là trật tự hóa những quan hệ qua lại và làm cho chúng trở nên có thể dự kiến được. Quy tắc bao gồm các quy định thành phần về những vị trí hay vai trò của các thành viên của tổ chức; Trình tự tham gia vào và rời bỏ những vị trí đó đối với các thành viên; Những hành động mà các thành viên đang giữ các vị trí này hay

khác có thể thực hiện hay không thực hiện; Những kết quả mà những thành viên đang giữ những vị trí này hay khác cần phải hoặc không cần phải đạt được.

Trong đó, quy tắc chỉ có vai trò tạo khung khổ để các thành viên có thể thực hiện sự lựa chọn trong những khung khổ đó, chứ không chỉ rõ cụ thể rằng sự lựa chọn nào cần phải thực hiện. Những vai trò cụ thể mà các quy tắc có thể đảm nhận và thực hiện gồm các vai trò như: Tạo ra tổ hợp những vị trí có khả năng và số thành viên tham gia mà họ có thể chiếm giữ các vị trí đó; Tạo lập công nghệ lựa chọn vị trí và rời bỏ vị trí của các thành viên; Dự báo những kết quả có thể đạt được và chi phí của từng phương án đạt được kết quả; Dự báo những phương án hành động có thể thực hiện của các thành viên đang chiếm những vị trí nhất định trong mối quan hệ tương tác; quy định chức năng ra quyết định trong từng trường hợp; quy định những kênh giao tiếp được phép giữa các thành viên đang giữ những vị trí nhất định và cả hình thái tương tác giữa họ với nhau. Như vậy, quan điểm coi thể chế là quy tắc cho phép phân tích hành vi của những con người đang bị giới hạn bởi những khung khổ nhất định.

Nhằm bổ sung làm rõ các vấn đề như vì sao thể chế có tính ổn định tương đối; những nguyên nhân nào dẫn tới sự thay đổi về thể chế; Vì sao trong các hệ thống kinh tế khác nhau lại có sự thực hiện các quyết định thể chế khác nhau... đã hình thành quan điểm coi thể chế là sự cân bằng. Tác giả đầu tiên của quan điểm này là Schotter A., người đã nghiên cứu cấu trúc và sự vận động tiệm tiến của thể chế. Nếu như các học giả coi thể chế là quy tắc chỉ quan tâm

tới phương diện bề ngoài của thể chế, coi thể chế là khung khổ bên ngoài, thì ngược lại, Schotter A. bắt đầu nghiên cứu những thể chế phát sinh từ bên trong như những sự thỏa thuận hay thống nhất ý kiến. Theo ông, thể chế là sự cân bằng trong trò chơi có tính định vị, lặp lại và chuẩn mực. Cách tiếp cận này dựa vào giả thuyết về sự vận động tiệm tiến của các chiến lược của các cá nhân thường xuyên tương tác lẫn nhau, mà sự vận động này diễn ra dưới tác động của sự học hỏi. Theo ông, “thứ mà chúng ta gọi là thể chế xã hội – không phải là quy tắc, và hơn nữa không phải là những chuẩn mực phải lựa chọn của hành vi hay là tính có điều kiện đã được hình thành xung quanh một trò chơi nào đó với những quy tắc nhất định. Nói cách khác, đối với chúng ta, thể chế là thuộc tính của trạng thái cân bằng của trò chơi, nhưng không phải là thuộc tính của bản thân trò chơi. Quan trọng đối với chúng ta không phải là nội dung của các quy tắc, mà là những người chơi thực hiện chúng thế nào”. Như vậy, mục tiêu nghiên cứu ở đây không phải là bản thân các quy tắc mà là tác động của chúng tới hoạt động của các chủ thể..

2. MỘT SỐ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA TRƯỜNG PHÁI THỂ CHẾ MỚI

Từ những cách tiếp cận kể trên về thể chế, ngày nay Kinh tế học thể chế mới phát triển theo nhiều nhánh nghiên cứu khác nhau, bao gồm: 1) lý thuyết kinh tế về quyền sở hữu; 2) lý thuyết kinh tế về chi phí giao dịch; 3) kinh tế học tiến hóa; 4) lý thuyết về sự lựa chọn hiến pháp (kinh tế học pháp quyền); 5) lý thuyết hành động tập thể; 6) lý thuyết lựa chọn công cộng; 7) lý thuyết kinh tế về hợp đồng; 8) lịch sử kinh tế thể

chế mới...

Theo lý thuyết kinh tế về quyền sở hữu, quyền sở hữu là thể đặc biệt quan trọng để điều tiết quan hệ xã hội, đặc biệt là quan hệ kinh tế. Quyền sở hữu Tổ hợp các quyền năng điều tiết sự tiếp cận đến tài nguyên, nguồn lực khan hiếm có thể do nhà nước thiết lập hoặc được quy định bởi truyền thống, tập quán, tôn giáo... có vai trò như quy tắc trò chơi. Có 4 nhóm quyền chủ yếu: quyền loại trừ sự tiếp cận của chủ thể khác tới tài sản; quyền sử dụng tài sản; quyền nhận được thu nhập từ tài sản; quyền chuyển giao các quyền năng sở hữu. Quyền sở hữu được xác định chính xác, rõ ràng là điều kiện đặc biệt cần thiết cho hoạt động kinh tế hiệu quả

Theo lý thuyết kinh tế về chi phí giao dịch, các chủ thể sở hữu khác nhau khía quan hệ hay giao dịch với nhau đều phát sinh chi phí, đó là chi phí giao dịch. Các loại chi phí giao dịch phổ biến bao gồm: chi phí tìm kiếm, xử lý thông tin; đàm phán, chi phí đo lường thiệt hại; chi phí chuẩn hóa và bảo vệ quyền sở hữu, chi phí cho các hành vi cơ hội khi thiếu thông tin... Đồng thời, trong quá trình hoạt động, các chủ thể sở hữu có thể gây ra tác động tới các chủ thể khác, làm phát sinh chênh lệch giữa chi phí tư nhân và chi phí xã hội (chi phí của các chủ thể chịu ảnh hưởng). Chênh lệch là dương khi chi phí xã hội thấp hơn. Khi chi phí giao dịch bằng không, thị trường có thể tự giải quyết các tác động ngoại lai. Nếu như quyền sở hữu được xác định rõ ràng, chi phí giao dịch bằng không thì cơ cấu sản xuất sẽ không đổi và hiệu quả không phụ thuộc vào sự thay đổi trong phân bổ quyền sở hữu. Các chủ sở hữu có thể tự thỏa

thuận cách thức giải quyết không cần tới nhà nước. Theo Coase, tác động ngoại lai chỉ hình thành khi quyền sở hữu mờ nhạt, không rõ ràng. Cách thức để khắc phục tác động ngoại lai là tạo lập những quyền năng mới của sở hữu trong các lĩnh vực mà những quyền năng đó chưa được xác định rõ ràng. Do đó, theo NIE, chi phí giao dịch có ý nghĩa nền tảng: Khi chúng là dương thì sự phân bổ quyền năng sở hữu không còn là trung lập và sẽ tác động tới hiệu quả và cơ cấu sản xuất. Tuy nhiên, sự hiện diện của tác động ngoại lai không phải là căn cứ cho sự can thiệp của nhà nước

Theo lý thuyết kinh tế học pháp quyền, hệ thống pháp luật cần được xem như cơ chế điều tiết sự phân bổ các nguồn lực khan hiếm. Cơ chế pháp lý khác cơ chế thị trường là có tính bắt buộc. Nhiều giao dịch bắt buộc đã xuất hiện với chi phí giao dịch rất lớn, làm cho không thể thực hiện các giao dịch tự nguyện. Các quy định pháp lý phải được thiết lập trên cơ sở tính đến hiệu quả, phải đáp ứng các yêu cầu: Thúc đẩy giảm chi phí giao dịch, giảm các rào cản nhân tạo đối với trao đổi tự nguyện và bảo đảm thực thi các hợp đồng; Phải xác định rõ ràng và bảo vệ vững chắc quyền sở hữu, ngăn cản sự chuyển hóa các giao dịch tự nguyện thành bắt buộc, khắc phục tính không xác định trong phân quyền sở hữu thúc đẩy giao dịch tự nguyện; Trong điều kiện chi phí giao dịch cao, luật pháp phải hướng tới lựa chọn và thiết lập được sự phân chia quyền sở hữu hợp lý nhất, tạo thuận lợi cho thị trường hoạt động

Theo lý thuyết lựa chọn xã hội, giữa nhà nước và thị trường có mối quan hệ thể hiện thông qua cơ chế hình thành các quyết

định kinh tế vĩ mô. Theo họ, chủ nghĩa cá nhân có vai trò không nhỏ trong mối quan hệ này. Các chính trị gia cũng theo đuổi lợi ích riêng, do đó cần nghiên cứu các phương thức mà các chủ thể có thể sử dụng các cơ quan nhà nước cho lợi ích của riêng mình. Con người kinh tế luôn theo đuổi tính duy lý, luôn so sánh chi phí biên và lợi ích biên. Chính trị là hệ thống trao đổi phức tạp giữa các cá nhân, trong đó các cá nhân thường cố gắng đạt được những mục tiêu tư nhân một cách tập thể do họ không thể thực hiện những mục tiêu đó bằng sự trao đổi bình thường. Từ đó, cần phân tích chính sách giống như quá trình trao đổi, trong đó nhà nước là một thị trường đặc biệt. Các thành viên của nhà nước có những quyền sở hữu đặc biệt: cử tri bầu chọn đại diện của mình vào các cơ quan cao nhất của nhà nước, nghị viên thông qua các luật, quan chức theo dõi việc thực thi pháp luật. Cử tri và chính trị gia trao đổi lá phiếu với các lời hứa. Tuy vậy bản thân trình tự bầu cử dân chủ cũng không khắc phục được việc ra các quyết định phi hiệu quả về kinh tế do sự tồn tại của lợi ích nhóm, do đó cần thiết phải chống quan liêu trong hoạt động của nhà nước.

Bên cạnh đó, lý thuyết lựa chọn xã hội cho rằng, hoạt động của nhà nước cũng luôn phải đối mặt với những khó khăn: Sự thiếu hụt thông tin cần thiết để ra quyết định; Sự không hoàn thiện của quá trình chính trị; Hạn chế của sự kiểm soát quan liêu, do đó, nhà nước thiếu khả năng nhìn nhận và kiểm soát hiệu quả hậu quả trước mắt và lâu dài của các quyết định của mình

Theo lý thuyết lịch sử kinh tế thể chế mới, sự phát triển của lịch sử nhân loại

theo diễn ra theo sự tiến hóa của thể chế, quyền sở hữu và chi phí giao dịch. Chức năng chính của thể chế là tiết kiệm chi phí giao dịch, song sự phát triển của phân công lao động lại làm tăng chi phí giao dịch do gia tăng chi phí đo lường khối lượng và chất lượng hàng hóa trao đổi; gia tăng chi phí xác định, cụ thể hóa quyền sở hữu. Có thể phân chia hai giai đoạn lịch sử nhân loại. Giai đoạn đầu có đặc trưng là nhân loại chuyển từ săn bắn, hái lượm sang sản xuất nông nghiệp, sở hữu chung không hạn chế thống trị trước đó chuyển sang sở hữu chung hạn chế. Sở hữu chung hạn chế khuyến khích tiến bộ kinh doanh, phát triển tri thức, sáng tạo, công nghệ mới.. xuất hiện nhà nước, trao đổi trở nên phổ biến. Giai đoạn hai bắt đầu từ giữa thế kỷ XIX với đặc trưng: nhân loại chuyển sang áp dụng một cách có hệ thống các tri thức lý luận vào sản xuất dựa trên cơ sở cơ cấu quyền sở hữu hiệu quả; sự phát triển nhanh chóng các trung tâm khoa học; sự gắn kết chặt chẽ giữa các nhà khoa học và phát triển, hình thành sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, cùng với đó đã diễn ra sự gia tăng nhanh chóng chi phí giao dịch do: Tăng chi phí đo lường do quá trình trao đổi ngày càng phức tạp với nhiều khâu; Tăng mất mát so sản xuất ngày càng tập trung cao độ; Sự phức tạp và việc kéo dài thời gian ký kết hợp đồng; Sự căng tăng gia tăng của các hiệu ứng ngoại lai; Gia tăng vai trò nhà nước với các hậu quả; Xuất hiện hệ tư tưởng mới chống lại sự can thiệp của nhà nước. Nỗ lực giảm chi phí giao dịch mở rộng ra phạm vi toàn cầu, thúc đẩy lobby, làm cho thể chế hiệu quả biến dạng, hệ thống quyền sở hữu cũ bị thay bằng cuộc đấu tranh chính trị về phân

phối thu nhập... làm cho việc nghiên cứu các thể chế phải xuất hiện...

3. MỘT SỐ NHẬN XÉT RÚT RA VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC, THỊ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TỰ CÁCH TIẾP CẬN CỦA TRƯỜNG PHÁI LÝ THUYẾT THỂ CHẾ MỚI

Xét theo giác độ lịch sử tiến hóa của nhân loại, mối quan hệ tương tác giữa các chủ thể trong xã hội nói chung và trong lĩnh vực kinh tế nói riêng được quyết định bởi các nhân tố khách quan là các quy luật, mà trước hết là các quy luật kinh tế, bởi lẽ sản xuất vật chất luôn là cơ sở của đời sống xã hội. Vì lẽ đó, trong lịch sử đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm ra những quy luật khách quan quyết định hoạt động của con người trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định.

Tuy nhiên, hoạt động của các quy luật khách quan chỉ biểu hiện ra như là những xu hướng trong hoạt động của con người trong thời gian dài thông qua vô số những hiện tượng ngẫu nhiên. Do vậy, đối với từng cá nhân hay chủ thể cụ thể thì yếu tố chủ quan có tác động rất lớn tới hoạt động của họ trong cộng đồng. Từ đó việc nghiên cứu để tìm ra những cách đi cho nhân loại nói chung, từng dân tộc nói riêng có thể được thực hiện theo những phương diện khác nhau, từ phía các quy luật khách quan và cả từ phía các nhân tố chủ quan. Trong những giai đoạn lịch sử đặc thù thể hiện sự chuyển tiếp của xã hội từ hình thái kinh tế xã hội này sang hình thái kinh tế xã hội khác, yêu cầu về nghiên cứu các quy luật khách quan thường được đề cao nhằm luận giải cơ sở khoa học cho bước chuyển có tính nhảy vọt đó. Nhưng khi xã hội đã

định hình trong một hình thái kinh tế xã hội cụ thể thì việc nghiên cứu tìm ra các nhân tố tác động tới sự bảo tồn, hoàn thiện lại được đề cập nhiều hơn, trong đó có tác động của các yếu tố chủ quan.

Do vậy sự hình thành của trường phái kinh tế học thể chế thể hiện một cách luận giải về sự phát triển của xã hội theo phương diện tác động chủ yếu của các yếu tố chủ quan. Mục tiêu của trường phái này là tìm ra các yếu tố có tính chủ quan tác động tới hành vi của các chủ thể trong nền kinh tế để giải quyết vấn đề lợi ích giữa họ với nhau và thông qua đó hoàn thiện và phát triển xã hội. Yếu tố đó thể hiện tính chủ động của con người và được gọi là thể chế. Nghiên cứu về trường phái thể chế mới cho thấy, trong nền kinh tế thị trường giữa nhà nước, thị trường và xã hội có mối quan hệ chặt chẽ, trong đó nhà nước và thị trường vừa là những chủ thể, bộ phận của xã hội, vừa là những cấu trúc thể chế xã hội nằm trong tổng thể của thể chế xã hội.

Từ cách tiếp cận thể chế mới, sự phát triển của xã hội gắn liền với sự phát triển của sản xuất theo hướng phát triển kinh tế thị trường, từ sơ khai tới hiện đại, theo đó hình thành những chức năng nhiệm vụ của nhà nước gắn với các chủ thể hoạt động trong bộ máy nhà nước. Mối quan hệ đó, theo cách tiếp cận thể chế mới, cần được xem xét với các công cụ như lý thuyết về quyền sở hữu, chi phí giao dịch, tác động ngoại lai, kinh tế học pháp quyền, lịch sử kinh tế mới... để từ đó xác định đúng vị trí, vai trò của từng chủ thể nhà nước, thị trường, xã hội, những ưu điểm và đặc biệt là hạn chế của các chủ thể đó theo phương diện thể chế để có cách thức xử lý hiệu quả

trong phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại.

Rõ ràng sự phát triển của xã hội nhanh hay chậm phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế theo hướng thị trường. Tuy nhiên, để thị trường thực sự trở thành động lực phát triển xã hội trong nền kinh tế thị trường hiện đại thì phải có hệ thống thể chế phù hợp, cho phép vừa phát huy được sáng kiến cá nhân, vừa tránh những tác động xấu tới phát triển xã hội và có mức chi phí thấp nhất, do đó xử lý mối quan hệ giữa thị trường và xã hội trước hết phải hướng tới làm rõ những nguyên nhân thể chế gây cản trở cho việc thực hiện các mục tiêu trên.

Theo cách tiếp cận thể chế mới, nguyên nhân chủ yếu nhất có lẽ xuất phát từ chủ nghĩa cá nhân luôn có vai trò chi phối hoạt động của con người trong xã hội nói chung và trong kinh tế thị trường nói riêng. Muốn phát huy được tính năng động, sáng tạo của chủ nghĩa cá nhân, đồng thời tránh được những tác động ngoại lai không mong muốn từ hoạt động của chủ thể đặc biệt trong các hoạt động kinh tế cần phải có hệ thống thể chế sở hữu đầy đủ, rõ ràng, minh bạch với việc xác định cụ thể các quyền năng của sở hữu cùng các chế tài bảo vệ quyền sở hữu, lưu thông, phân bổ, sử dụng các đối tượng sở hữu với chi phí giao dịch thấp nhất.

Trong giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường, xã hội trong nền kinh tế thị trường, thể chế có vai trò đặc biệt quan trọng, thể hiện trên các mặt:

(1) Thể chế đáp ứng tính xác định trước kết quả của một tổng thể nhất định những hành vi (tức là những phản ứng xã hội đối với những hành vi đó) và do đó bổ sung cho

hoạt động kinh tế tính bền vững. Một thể chế này hay thể chế khác đều đòi hỏi rằng khi đi tới một nơi nào đó chúng ta sẽ nhận được với một xác suất lớn hơn cái mà người khác đã tìm kiếm, đã phải trả giá (tốn kém) những dạng nguồn lực nào đó mà chúng ta cũng đã biết từ trước.

(2) Thể chế có tính kế thừa thông qua quá trình học hỏi vốn có của bản thân nó, từ đó sẽ góp phần đảm bảo tính ổn định trong các quan hệ kinh tế, xã hội. Quá trình học hỏi có thể được thực hiện thông qua hoạt động của những tổ chức chuyên môn hoá (thông thường là như vậy). Nhưng quá trình đó có thể đạt được ở mức học hỏi bằng sự làm việc khi người ta dõi theo những hoạt động của những người đã có nhiều kinh nghiệm hơn và làm theo những người đó trong quá trình làm việc.

(3) Tự bản thân thể chế vốn có hệ thống kích thích mà thiếu chúng thì thể chế không thể tồn tại được. Thể chế không thể tồn tại nếu thiếu hệ thống kích thích các hành vi tích cực (phần thưởng đối với sự tuân thủ những quy tắc) và kiềm chế các hành vi tiêu cực (những hình phạt mà người ta sẽ phải chịu vì vi phạm những quy tắc nhất định). Theo đó, nhà nước cần xây dựng và thực thi hệ thống thể chế chính thức phù hợp với cơ chế kích thích đủ mạnh để điều tiết các quan hệ thị trường trong phát triển xã hội.

(4) Thể chế đảm bảo sự tự do và an toàn cho hành động của con người trong những phạm vi nhất định, điều mà các chủ thể kinh tế đặc biệt đánh giá cao. Có những khuôn khổ thể chế mà trong đó con người được tự do trong hành động và không bị luật pháp trừng phạt. Và có cả khuôn khổ

thể chế thứ hai mà trong đó con người được tự do hành động mà không bị dư luận xã hội lên án.

(5) Sự tồn tại của thể chế có tác dụng làm giảm chi phí giao dịch (chi phí tìm kiếm, xử lý, đánh giá thông tin và sự đảm bảo đặc biệt đối với cam kết này hay khác) giống như những công nghệ làm giảm chi phí sản xuất. Nếu chủ thể kinh tế hoạt động trong hệ thống nơi có Nhà nước mạnh thì sẽ được Nhà nước bảo vệ với mức chi phí thấp hơn nhiều so với sử dụng hay thuê mượn các lực lượng cưỡng chế khác.

Đồng thời, trong mối quan hệ nhà nước, thị trường, xã hội trong nền kinh tế thị trường hiện đại, việc xác định cơ cấu tổ chức, nhân sự, chức năng, nhiệm vụ của nhà nước đối với phát triển kinh tế thị trường, ổn định và đảm bảo công bằng xã hội cần phải được nghiên cứu tỉ mỉ dưới góc độ thể chế để tránh và giảm thiểu tác động tiêu cực của những hành vi cơ hội do các quan chức nhà nước gây ra như chạy chức, chạy quyền, lạm dụng quyền lực để mưu cầu lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm... Cách tiếp cận nay dựa trên sự thừa nhận chủ thể tham gia hoạt động xã hội thực tế không phải là nhóm hay tổ chức mà là các cá nhân. Theo nguyên tắc này những cộng đồng tập thể, kể cả là nhà nước, không thể tồn tại riêng biệt tách rời khỏi những thành viên cấu thành của chúng, do đó những cộng đồng đó cần được luận giải trên quan điểm hành vi có mục đích định hướng của các cá nhân.

Xuất phát từ hiện thực là, phần lớn các thể chế, từ truyền thống, tập quán, đến luật lệ... được hình thành từ yêu cầu giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của những hành vi cơ

hội, trong bộ máy nhà nước cũng như thị trường, xã hội cần phải có sự hiện diện của nhiều thể chế, cả những thể chế chính thức như các quy định pháp luật và thể chế phi chính thức các chuẩn mực đạo đức. Như vậy, Kinh tế học thể chế mới làm suy yếu một số giả định mạnh mẽ của kinh tế học truyền thống liên quan đến động cơ của những người ra quyết định và thông tin có sẵn cho họ, điều này làm tăng phạm vi của kinh tế học bằng cách kết hợp các hiện tượng chính trị và sự phát triển của các thể chế xã hội vào phân tích. Kinh tế học thể chế mới đã thu hút sự chú ý đến tầm quan trọng sống còn của năng lực hành chính của chính phủ trong việc định hình môi trường kinh doanh thể chế. Nó có thể giúp giải thích tại sao các bộ máy quan liêu hoạt động tốt hay kém và làm thế nào để cải cách các bộ máy quan liêu kém hiệu quả và tham nhũng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Văn Ân & Lê Xuân Bá (2006), *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
2. Furubotn, E. G., & Richter, R. (2005), *Institutions and Economic Theory: The Contribution of the New Institutional Economics*, Ann Arbor, MI: The University of Michigan Press, Page. 7
3. Hohfeld W. N. 1913, *Some Fundamental Legal Concepts as Applied in the Study of Primitive Law*, *Yale Law Journal*, Vol. 23. P.16-59 1913), *Some Fundamental Legal Concepts as Applied in the Study of Primitive Law*, *Yale Law Journal*, Vol. 23. P.16-59.
4. Норт Д (1997), Институциональные изменения: рамки анализа // Вопросы экономики, №3. С. 7.
5. Ostrom E (1998), *An Agenda for the Study of Institutions // Public Choice*, Vol. 48. P. 3–25.
6. Schotter A (1981), *The Economic Theory of Social Institutions*, Cambridge: Cambridge University
7. Williamson O. E (1975), *Markets and Hierarchies, Analysis and Antitrust Implications*, Free Press: N. Y. p.1, 7.